

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 81/2021/HS-PT

Ngày: 10-3-2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Huyền.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đình Triết, bà Trần Thị Phụng.

- Thư ký phiên tòa: .Vũ Thị Hồng Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 47/2021/HSPT, ngày 29/01/2021 đối với bị cáo Nguyễn Thị Xuân A về tội “*Môi giới mại dâm*”. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 63/2020/HSST ngày 30/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: Nguyễn Thị Xuân A (tên gọi khác B), sinh năm 1972; tại tỉnh Đắk Lắk; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 3, xã HT, thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Buôn S, xã ED, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: Lớp 05/12; dân tộc: M'Nông; con ông: Nguyễn Văn C (đã chết) và bà Bùi Thị D, chồng Nguyễn Công Đ (đã ly hôn) và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1990, con nhỏ nhất sinh năm 2000, hiện các con của bị cáo đang cư trú tại: Thôn 3, xã HT, thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/7/2020 đến ngày 27/8/2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 21/7/2020, sau khi nhậu xong Nguyễn Văn E rủ Hoàng Văn G đến quán cà phê vông H ở Buôn S, xã EĐ, huyện EK để uống nước. Khi E và G đến quán thì gặp Nguyễn Thị Xuân A (là chủ quán cà phê) E và G gọi nước rồi ngồi uống, được khoảng 10 phút thì E và G đặt vấn đề mua dâm với A thì A đồng ý và sử dụng điện thoại I Phone 5S gắn Sim có số 0854.932.962 gọi đến số 0869.662.717 của Huỳnh Thị Thu H và số 0963.103496 của Nguyễn Thị Thùy I để hỏi H và I về việc đi bán dâm (*trước đó H và I đã thống nhất với A về việc A giới thiệu khách mua dâm thì sẽ được hưởng 50.000đ/người*). Khi nhận điện thoại của A thì H và I đồng ý đi bán dâm với giá 400.000đ/1lần/1người. A yêu cầu E và G đưa 800.000đ/ 2 người, do không đủ tiền mặt nên E nói với A cho số tài khoản để chuyển tiền; A đưa cho E số tài khoản 520220522088 của A mở tại Ngân hàng Agribank, E điện thoại cho K hỏi mượn tiền và nhắn tin số tài khoản của A cho K, K đồng ý và chuyển 800.000đ vào tài khoản của A. Khoảng 05 phút sau thì A nhận được tin nhắn đến máy điện thoại của A 0948.583.985 với nội dung đã nhận được 800.000đ vào tài khoản. Sau khi nhận tiền mua dâm từ khách, A dùng số điện thoại 0854932962 gọi cho H và I đi bán dâm thì được H và I đồng ý. Lúc này, A điều khiển xe mô tô 47B2-34981 chở Nguyễn Văn E đến trước khách sạn TL, tại TDP 3B, thị trấn EA, huyện EK rồi để E tự đi vào thuê phòng. Khi thuê phòng xong E nói với A “*phòng số 54 chị ơi*” và đi lên phòng đợi. Lúc này A điện thoại cho H báo số phòng và nhắn tin “*54 em nge*” H nhờ bạn bạn tên L (không rõ nhân thân, địa chỉ) chở đến khách sạn TL bán dâm cho E. Sau khi bố trí cho H và E xong thì A quay lại quán cà phê chở Hoàng Văn G đến nhà nghỉ HN (thuộc buôn S, xã EĐ, huyện EK) để G đi vào thuê phòng nghỉ số 03 và A tiếp tục gọi điện thoại cho I và thông báo số phòng của G cho I biết, I điều khiển xe mô tô biển số 47F1 – 386.84 nhãn hiệu Honda Vision (xe I mượn của chị Vũ Thị Nguyệt M, sinh năm: 1994 trú tại TDP 2A, thị trấn EK, huyện EK) đi đến nhà nghỉ HN và thực hiện hành vi bán dâm cho G. Khi I, H đang thực hiện hành vi bán dâm cho E, G thì bị Công an huyện Ea Kar phát hiện, bắt quả tang. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ea Kar tiến hành lập biên bản phạm pháp quả tang, khám nghiệm hiện trường, kiểm tra và thu giữ điện thoại cùng các vật chứng vụ án đồng thời tiến hành giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với A để tiến hành điều tra.

Vật chứng thu giữ gồm:

- Thu giữ của bị cáo Nguyễn Thị Xuân A gồm:

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s, dung lượng 32GB màu gold có vỏ ốp màu xanh bằng nhựa, trong có gắn sim số 0948.583.985; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5s dung lượng 16GB màu gold, trong có gắn sim số 0854932962.

- + 01 xe mô tô biển số 47B2 -349.81 nhãn hiệu Vision màu xanh;
- + 01 thẻ ATM ngân hàng Agribank, mã thẻ 9704050779021612;
- + 01 vỏ lon nước ngọt nhãn hiệu Redbull, 01 vỏ lon nước ngọt hiệu Sannest, 01 ly thủy tinh đường kính 7cm cao 11cm, 01 ly thủy tinh đường kính 7,5cm, cao 10cm;
- + 800.000đ (tám trăm nghìn đồng) do A tự nguyện giao nộp.

- Thu giữ của Nguyễn Thị Thùy I:

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, model TA -1174, CODE 23KIG74VN00, số IMEI 1: 357754105866272, số IMEI 2: 357754107866270 màu đen bên trong có sim số 0963.103.496.

+ 01 xe mô tô Honda Vision biển số 47F1-386.84 màu đỏ đen; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 019686 mang tên Nguyễn Thị Thanh N.

- Thu giữ của Huỳnh Thị Thu H:

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu itel màu đen, số IMEI1: 358625102817048 bên trong có SIM 0869662717 và SIM 0899389515.

- Thu giữ của Nguyễn Văn E:

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu itel màu đen, số IMEI1: 355057092778480 bên trong có SIM 0846657661

+ 01 bao cao su đã qua sử dụng và 01 vỏ bao cao su nhãn hiệu Beautiful dreamer;

- Thu giữ của Hoàng Văn G:

01 bao cao su đã qua sử dụng và 01 vỏ bao cao su nhãn hiệu VPT USA protect you, màu vàng đã qua sử dụng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 63/2020/HSST ngày 30/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Xuân A phạm tội: “*Môi giới mại dâm*”.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 328 của Bộ luật hình sự; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Thị Xuân A 03 (ba) năm tù**. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Bị cáo được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ 21/7/2020 đến ngày 27/8/2020.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/12/2020, bị cáo Nguyễn Thị Xuân A có đơn xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như Bản án sơ thẩm.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Thị Xuân A về tội “Môi giới mại dâm” theo điểm đ khoản 2 Điều 328 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Xét mức hình phạt 03 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là thỏa đáng, khi quyết định hình phạt, bản án sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng và phải trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con khuyết tật nặng nên đề nghị HĐXX chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, áp dụng thêm Điều 65 của Bộ luật hình sự xét xử bị cáo 3 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 5 năm cũng đủ giáo dục bị cáo thành người công dân tốt có ích cho xã hội.

Bị cáo không tranh luận, bào chữa gì, mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập trong hồ sơ vụ án. Vì vậy có đủ căn cứ để kết luận:

Ngày 21/7/2020, bị cáo Nguyễn Thị Xuân A đã có hành vi làm trung gian dẫn dắt để Huỳnh Thị Thu H bán dâm cho Nguyễn Văn E và Nguyễn Thị Thùy I bán dâm cho Hoàng Văn G tại các nhà nghỉ tại huyện EK. Bị cáo A đã nhận từ E 800.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản, trong đó 02 gái bán dâm sẽ được hưởng 700.000 đồng, bị cáo A được hưởng lợi 100.000 đồng; khi H và I đang bán dâm cho E và G thì bị Công an huyện Ea Kar phát hiện, bắt quả tang. Do đó, Bản án sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Thị Xuân A về tội “Môi giới mại dâm” theo quy định tại điểm đ Khoản 2 Điều 328 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét mức hình phạt 03 năm tù mà Bản án sơ thẩm xử phạt đối với bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Tuy nhiên, sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, trình độ học vấn thấp, là người dân tộc thiểu số nên khả năng nhận thức về pháp luật có phần hạn chế. Ngoài ra, hành vi phạm tội của

bị cáo một phần do hoàn cảnh khó khăn. Bởi lẽ, bị cáo và chồng đã ly hôn, bị cáo là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng các con trong đó có một con là khuyết tật nặng, mọi sinh hoạt cá nhân của con khuyết tật nặng cần có sự chăm sóc của bị cáo. Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo tự cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương, phối hợp với gia đình cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội. Đồng thời bảo đảm cho bị cáo có điều kiện được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con bị khuyết tật. Do đó, HĐXX cần áp dụng thêm Điều 65 của Bộ luật hình sự, chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo giữ nguyên mức hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo kèm thời gian thử thách.

[3] Về án phí: Do chấp nhận một phần kháng cáo nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo - sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 63/2020/HSST ngày 30/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk về biện pháp chấp hành hình phạt.

[2] Về điều luật áp dụng và mức hình phạt:

Căn cứ: điểm đ Khoản 2 Điều 328 của Bộ luật hình sự; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Xuân A 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm về tội: “Môi giới mại dâm”.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Xuân A cho Ủy ban nhân dân xã EĐ, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk là nơi bị cáo cư trú để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa pA trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[3] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Thị Xuân A không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Văn phòng CQCSĐT CA tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp;
- TAND huyện Ea Kar;
- VKSND huyện Ea Kar;
- Công an huyện Ea Kar;
- Chi cục THADS huyện EK;
- T.H.A.HS Công an huyện Ea Kar;
- Bị cáo;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Lê Thị Thanh Huyền

